TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2021/HC-PT
Ngày: 26-01-2021.
" V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Văn Tiến**

Ông Nguyễn Tấn Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 77/2020/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2021/QĐ-HC ngày 06-01-2021, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 09 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Do có kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 10/8/1988, ông Lê X (nay đã chết) trú tại thôn 3, xã E, huyện E1 sang nhượng cho tôi 01 thửa đất có diện tích khoảng 5.500m^2 tọa lạc tại thôn 3, xã E, huyện E1. Nguồn gốc thửa đất là do ông X nhận chuyển nhượng từ vợ

chồng ông Phạm Ngọc A và bà Phạm Thị Q. Việc sang nhượng được hai bên xác lậy giấy viết tay có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã E và một số hộ xung quanh. Sau khi nhận chuyển nhượng tôi sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai. Năm 1991, tôi chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Đặng Văn Lộc phần còn lại tôi sử dụng.

Tuy nhiên, đến tháng 12/1996, khi gia đình tôi đi vắng Ủy ban nhân dân xã E đã tự ý đến san ủi đất của gia đình tôi để xây dựng chợ Km 92 mà không thông báo, không lập biên bản làm hư nhà và gây thiệt hại đối với tài sản trên đất. Do đó, tôi đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện E1.

Ngày 20/12/2001, thanh tra huyện E1 ban hành Kết luận số 18/ BC-KLGQĐ về việc giải quyết đơn khiếu nại của tôi. Theo đó, thanh tra huyện kiến nghị Chủ tịch UBND huyện E1 chấp nhận đơn khiếu nại của gia đình tôi buộc UBND xã E bồi thường cho gia đình tôi tổng số tiền 15.399.300 đồng.

Ngày 04/3/2002, Chủ tịch UBND huyện E1 ban hành Quyết định số 147/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của tôi, với nội dung: Công nhận nội dung khiếu nại của tôi là đúng. Việc UBND xã E triển khai xây dựng chợ khi chưa được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch là sai. Đồng thời, yêu cầu UBND xã E bồi thường cho tôi tổng số tiền 15.399.300 đồng.

Nhận thấy, Quyết định số 147 của UBND huyện E1 chưa thỏa đáng nên tôi đã khiếu nại lần 2 đến UBND tỉnh để được giải quyết.

Ngày 24/02/2003, Chánh thanh tra tỉnh ban hành Quyết định số 15/QĐ-TTr về việc giải quyết đối với đơn khiếu nại của tôi với nội dung: Hủy bỏ Quyết định số 147/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện E1, đồng thời không công nhận nội dung đơn khiếu nại của tôi.

Không đồng ý với kết quả giải quyết nêu trên tôi đã làm đơn gửi đến nhiều cơ quan nhưng ngày 24/12/2018 tôi mới nhận được Công văn số 11331/UBND-NC của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của tôi, với nội dung: "Vụ việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn T đã được các cấp, các ngành của tỉnh xem xét, giải quyết theo trình tự thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998. Quyết định số 15/QĐ-TTr của Chánh thanh tra tỉnh là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Xét thấy, Công văn số 11331/UBND-NC ngày 24/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Do đó, tôi khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Công văn số 11331/UBND-NC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho gia đình ông T về công khai hoang, canh tác, cây cối, vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật ít nhất cũng phải đảm bảo như Quyết định 147/QĐ-CT ngày 04/3/2002 của Chủ tịch UBND huyện E1.

Tại công văn số 6403/UBND-NC ngày 23/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày:

- Đối với nội dung liên quan đến Quyết định số 15/QĐ-TTr ngày 24/02/2003 của Chánh thanh tra tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đối với đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T:

Được sự ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk (theo Công văn số 845/CV-UB ngày 12/4/2002) Chánh thanh tra tỉnh ban hành Quyết định số 15/QĐ-TTr ngày 24/02/2003 về việc giải quyết đối với đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (Quyết định số 15 nêu trên là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2).

Tại khoản 5 Điều 32 Luật khiếu nại, tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2005 thì "Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai" thì không được thụ lý để giải quyết.

Tại khoản 7 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 thì "Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai" thì không được thụ lý giải quyết.

- Đối với nội dung liên quan đến Công văn số 11331/UBND-NC ngày 24/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ vào Quyết định số 15/QĐ-TTr ngày 24/02/2003 của Chánh thanh tra tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đối với đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T; Kết quả làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với Chánh thanh tra tỉnh ngày 06/3/2018 và ngày 26/3/2018); Căn cứ khoản 9 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 11331 với nội dung khẳng định khiếu nại của ông T không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước và không được thụ lý, giải quyết.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 40/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng khoản 7, khoản 9 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng khoản1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc hủy Công văn số 11331/UBND-NC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho gia đình ông T về công khai hoang, canh tác, cây cối, vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2020 ông Nguyễn Văn T – người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Văn T giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, thấy:

[1] Được sự ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk (theo Công văn số 845/CV-UB ngày 12/4/2002) Chánh thanh tra tỉnh ban hành Quyết định số 15/QĐ-TTr ngày 24/02/2003 về việc giải quyết đối với đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T có nội dung: Hủy bỏ Quyết định số 147/QĐ-Ct của Chủ tịch UBND huyện E1, đồng thời không công nhận nội dung khiếu nại của ông T. Ngày 30/11/2017, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh ĐăkLăk hủy Quyết định số 15/QĐ-TTr ngày 24/2/2003 trên và Công văn số 783/CVĐ-UB ngày 21/3/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk; ngày 28/3/2018, TAND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 06/2018/QĐST-HC về việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính với lý do hết thời hiệu khởi kiện, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, các đương sự không có ý kiến gì đối với quyết định đình chỉ trên. Căn cứ khoản 9 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 11331/UBND-NC ngày 24/12/2018 với nội dung: Khiếu nại của ông T không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước và không được thụ lý, giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Công văn 11331/UBND-NC của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm úng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 7, khoản 9 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên Bản án số 40/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc hủy Công văn số 11331/UBND-NC ngày 24/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho gia đình ông T về công khai hoang, canh tác, cây cối, vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm ông Nguyễn Văn T phải chịu: 300.000, đồng(Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0014501 ngày 01/ 3 /2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh ĐăkLắk.

Án phí hành chính phúc thẩm: 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0017405 ngày 20/10/2020 của Cục Thi hành án tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn T đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn